



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 779.2021/QĐ-VPCNCL ngày 27 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH, ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT BẢO TÍN

Tiếng Anh/ *in English*: BAO TIN INSPECTION, VALUATION AND TECHNICAL
SERVICES CO.,LTD

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 064 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Tầng 4, tòa nhà RuBlue, số 223 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
4th floor, RuBlue building, 223 Doi Can street, Doi Can ward, Ba Dinh district, Hanoi

Tel: +84 24 6292 7492

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standard

– ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận
sản phẩm, quá trình và dịch vụ/ *Conformity assessment -*
General requirements for bodies certifying products, processes
and servies.

NGÀY CÔNG NHẬN/ Issue Status

Ngày 27 tháng 12 năm 2021

Dated 27th December, 2021



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84) 24 37911552; Fax: (+84) 24 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b, 5 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7, 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau/ *Product certification in accordance with scheme type 1b, 5 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to scheme type 7, 5 of Circular 28/2007/TT-BKHCN dated 12 December 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Nhóm sản phẩm khoáng phi kim, bê tông và xi măng/
Non-metallic mineral products, concrete and cement products

TT No	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>
1	Xi măng pooc lăng <i>Portland cement</i>	QĐR.11.01	QCVN 16:2019/BXD
2	Xi măng pooc lăng hỗn hợp <i>Portland blending cement</i>	QĐR.11.02	
3	Xi măng pooc lăng bền sunphat <i>Sulfate resisting portland cement</i>	QĐR.11.03	
4	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sunphat <i>Sulfate resistance blended portland cement</i>	QĐR.11.04	
5	Gạch gốm ốp lát ép bán khô <i>Dry pressed ceramic tile</i>	QĐR.13.01	
6	Gạch gốm ốp lát đùn dẹt <i>Extruded ceramic floor and wall tile</i>	QĐR.13.02	
7	Đá ốp lát tự nhiên <i>Natural stone facing slab</i>	QĐR.13.03	
8	Gạch đất sét nung <i>Clay brick</i>	QĐR.14.01	
9	Gạch bê tông <i>Concrete brick</i>	QĐR.14.02	
10	Sản phẩm bê tông khí chưng áp <i>Autoclaved aerated concrete (AAC) product</i>	QĐR.14.03	
11	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép <i>Precast extrusion concrete hollow core wall panels</i>	QĐR.14.04	
12	Kính nổi <i>Clear float glass</i>	QĐR.15.01	



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84) 24 37911552; Fax: (+84) 24 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>
13	Kính phẳng tôi nhiệt <i>Heat treated glass</i>	QĐR.15.02	QCVN 16:2019/BXD
14	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp <i>Laminated glass and laminated safety glass</i>	QĐR.15.03	
15	Kính hộp gắn kính cách nhiệt <i>Sealed insulating glass</i>	QĐR.15.04	
16	Cốt liệu cho bê tông và vữa <i>Aggregates for concrete and mortar</i>	QĐR.12.01	
17	Cát nghiền cho bê tông và vữa <i>Crushed sand for concrete and mortar</i>	QĐR.12.02	

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 27 tháng 12 năm 2024

This Accreditation Schedule is effective until 27th December, 2024